

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 8 – 2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lại Văn Phê.
- Ông Nguyễn Văn Quốc.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Trần Tấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh **L. V. T**, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** chị **L. T. T**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **L. V. T** trình bày:

Anh và chị **L. T. T** chung sống với nhau từ năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, anh và chị **T** sinh sống tại nhà riêng của anh thuộc ấp T, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị **T** có mối quan hệ tình cảm với người khác, không thật lòng muốn cùng anh xây dựng gia đình. Ngoài ra, anh và chị **T** cũng có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế do chị **T** không thành thật với anh về tiền bạc. Do anh không tin tưởng chị **T** nên vợ chồng xảy ra cãi vã,

bất hòa, chị T bỏ nhà đi từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh và chị T đều không có thiện chí đoàn tụ. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

*** *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023, bị đơn – chị L. T. T trình bày:***

Chị T thống nhất lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Chị và anh T chung sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T hay nghi ngờ, ghen tuông, không tin tưởng chị về tình cảm. Ngoài ra, giữa chị và anh T cũng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung một nhà từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại làm phiền chị và nói xấu chị trên mạng xã hội nên vợ chồng không còn yêu thương và tin tưởng nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh L. V. T với chị L. T. T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn anh L. V. T và bị đơn chị L. T. T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị T chung sống từ năm 2018, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và không thành thật với anh về tiền bạc. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay nghi ngờ, ghen tuông, không tin tưởng chị về tình cảm và tiền bạc. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T là có thật và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả anh T và chị T đều không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh T và chị T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh T và chị T không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: anh T, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh T, chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh L. V. T đối với chị L. T. T. Anh L. V. T được ly hôn với chị L. T. T.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: anh T, chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027307 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận anh T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: anh T, chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Yến